

Số: 69 /2017/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 18 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2017/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1452/TTr-STP ngày 09 tháng 8 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh có liên quan đến hoạt động xây dựng chính sách, soạn thảo, thẩm định, thẩm tra, chỉnh lý, hoàn thiện và ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh, để tham mưu Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp ban hành nghị quyết, quyết định.

Điều 2. Định mức phân bổ kinh phí cho từng loại văn bản

1. Đối với nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân ban hành mới hoặc thay thế, cụ thể:

- a) Cấp tỉnh: 10 triệu đồng/văn bản;
- b) Cấp huyện: 08 triệu đồng/văn bản;
- c) Cấp xã: 06 triệu đồng/văn bản;

2. Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung: bằng 80% định mức phân bổ đối với văn bản được ban hành mới hoặc thay thế được quy định tại khoản 1 Điều này, cụ thể:

- a) Cấp tỉnh: 08 triệu đồng/văn bản;
- b) Cấp huyện: 6,4 triệu đồng/văn bản;
- c) Cấp xã: 4,8 triệu đồng/văn bản.

3. Ngoài định mức phân bổ kinh phí quy định tại khoản 1, 2 Điều này, căn cứ vào khả năng nguồn kinh phí, trong trường hợp cần thiết Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì sắp xếp, bố trí một khoản kinh phí từ nguồn ngân sách chi thường xuyên đã được giao để hỗ trợ cho việc thực hiện các hoạt động có liên quan trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Điều 3. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí

1. Nguyên tắc:

a) Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật do ngân sách nhà nước bảo đảm, được tổng hợp chung vào dự toán chi ngân sách thường xuyên của cơ quan, đơn vị.

b) Việc bố trí kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật tại cơ quan, đơn vị được thực hiện theo chương trình, kế hoạch chính thức và chương trình, kế hoạch bổ sung trong năm, bảo đảm phù hợp với tiến độ triển khai nhiệm vụ và trong phạm vi dự toán ngân sách được giao.

c) Việc sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật phải đúng mục đích, theo quy định của pháp luật và Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định không ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã xây dựng xong hoặc dừng lại không xây dựng tiếp; cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng văn bản được phép thanh toán, quyết toán phần kinh phí đã thực hiện tương ứng theo quy định về nội dung chi, mức chi tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC trên cơ sở chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

2. Trong quá trình áp dụng, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tư pháp để tham mưu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 8 năm 2017.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ, Trung tâm TH-CB;
- Lưu: VT, NC. ĐDM

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lưu Xuân Vĩnh